

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 385/2020/DS-ST

Ngày: 15/12/2020

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Trực.

Ông Đặng Phước Lung.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ, Thư ký Tòa án.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 363/2020/TLST-DS ngày 22/10/2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2020/QĐXXST-DS ngày 01/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị H, sinh năm 1952; (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị K, sinh năm 1961; (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Lê Thị H trình bày: Do quen biết, bà Lê Thị H có cho bà Nguyễn Thị K vay nhiều lần tiền cụ thể như sau:

Ngày 01/3/2015 âm lịch, bà Nguyễn Thị K vay 40.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả 06 tháng sẽ trả vốn và lãi;

Ngày 07/3/2015 âm lịch, bà Nguyễn Thị K vay 20.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả 06 tháng sẽ trả vốn và lãi;

Ngày 15/9/2015 âm lịch, bà Nguyễn Thị K vay 60.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả 06 tháng sẽ trả vốn và lãi;

Tất cả điều có viết biên nhận và ký tên;

Đến hạn trả tiền, bà H đã nhiều lần yêu cầu bà K trả số tiền trên nhưng bà K không thực hiện nghĩa vụ trả tiền;

Ngày 11/3/2018, bà K có trả cho bà H 10.000.000 đồng và bà K có viết cho bà H một biên nhận tổng số nợ gốc và lãi phải trả là 123.000.000 đồng, trong đó vốn gốc là 120.000.000 đồng, tiền lãi là 3.000.000 đồng;

Bà H và bà K có thỏa thuận trả góp mỗi ngày 200.000 đồng cho đến khi hết nợ, thời gian trả từ ngày 12/3/2018, bà K đã trả góp tổng cộng là 17.500.000 đồng và ngưng trả vào cuối tháng 5/2018;

Như vậy bà K còn nợ bà H vốn gốc 102.500.000 đồng và tiền lãi 3.000.000 đồng;

Bà Lê Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm trả số tiền vay cho bà H là 102.500.000 đồng và tiền lãi 3.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Nguyễn Thị K trình bày: Thông nhất cùng lời trình bày của bà Lê Thị H là có nợ bà H số tiền vốn gốc 102.500.000 đồng và tiền lãi 3.000.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn xin đóng lãi mỗi tháng theo lãi suất của nhà nước quy định.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm trả số tiền vay cho bà H là 102.500.000 đồng và tiền lãi 3.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị K đồng ý trả số vốn gốc 102.500.000 đồng và tiền lãi 3.000.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn xin đóng lãi mỗi tháng theo lãi suất của nhà nước quy định.

Bà Lê Thị H không đồng ý cho bà K trả nợ dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết; Sự có mặt, vắng mặt của đương sự; Thời hạn, thời hiệu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân Sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án;

Các đương sự có mặt, phiên tòa vẫn tiến hành theo quy định.

Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả số tiền vay 102.500.000 đồng và tiền lãi 3.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày và chứng cứ của bà Lê Thị H thì bà H có cho bà K vay các lần tiền cụ thể như sau: Ngày 01/3/2015 âm lịch, bà Nguyễn Thị K vay 40.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả 06 tháng sẽ trả vốn và lãi; Ngày 07/3/2015 âm lịch, bà Nguyễn Thị K vay 20.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả 06 tháng sẽ trả vốn và lãi; Ngày 15/9/2015 âm lịch, bà Nguyễn Thị K vay 60.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả 06 tháng sẽ trả vốn và lãi;

Ngày 11/3/2018, bà K có trả cho bà H 10.000.000 đồng và bà K có viết cho bà H một biên nhận tổng số nợ gốc và lãi phải trả là 123.000.000 đồng, trong đó vốn gốc là 120.000.000 đồng, tiền lãi là 3.000.000 đồng;

Bà H và bà K có thỏa thuận cho bà K trả góp mỗi ngày 200.000 đồng cho đến khi hết nợ, thời gian trả từ ngày 12/3/2018, bà K đã trả góp tổng cộng là 17.500.000 đồng và ngưng trả vào cuối tháng 5/2018;

Bà K còn nợ bà H vốn gốc 102.500.000 đồng và tiền lãi 3.000.000 đồng.

Căn cứ vào các biên nhận: Tháng 9/2015 âm lịch; Ngày 01/3/2015 âm lịch; Ngày 07/3/2015 âm lịch; Tháng 3/2018 và ngày 11/3/2018;

Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 01/12/2020 và tại phiên toà, bị đơn bà Nguyễn Thị K thừa nhận có vay số tiền của bà H và dùng số tiền trên để trả nợ cho con bà K nên không có khả năng trả số tiền vay cho bà H. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà Nguyễn Thị K xin trả dần mỗi tháng theo lãi suất ngân hàng

Tại phiên toà, bà K, thừa nhận biên nhận tháng 9/2015 âm lịch; ngày 01/3/2015 âm lịch; ngày 07/3/2015 âm lịch; tháng 3/2018 và ngày 11/3/2018 là chữ ký của bà K;

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Yêu cầu của bà Lê Thị H là có cơ sở, bởi vì: Bà Nguyễn Thị K vẫn còn nợ bà Lê Thị H số tiền vay là 102.500.000 đồng, tiền lãi 3.000.000 đồng và chưa trả số tiền trên;

Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H cho nên cần buộc bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền vay 102.500.000 đồng và số tiền lãi 3.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu của bà Lê Thị H về việc bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả số tiền vay 102.500.000 đồng và tiền lãi 3.000.000 đồng, thời gian trả tiền làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị H về thời gian trả tiền là có cơ sở, bởi vì bà Nguyễn Thị K đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà H nên đã xâm phạm đến quyền lợi của bà H. Do đó cần buộc bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả số tiền vay 102.500.000 đồng và tiền lãi 3.000.000 đồng, thời gian trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật;

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 463, 465, 466, 357, 468, 688 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 92, 147, 220, 227, 228, 235 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án Dân Sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền vay 102.500.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu, năm trăm ngàn đồng) và tiền lãi 3.000.000 đồng (ba triệu đồng);

Thời gian thực hiện trả tiền một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ ngày bà Lê Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị K chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu 5.275.000 đồng (năm triệu, hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp 2.638.000 đồng (hai triệu, sáu trăm ba mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004289 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa thì thời hạn kháng nghị tính từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
 - VKSND huyện Chợ Gạo;
 - Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
 - Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Trương Vĩnh Hữu